TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 31 - 7- 2019.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Kỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lộc

Ông Hoàng Minh Phương

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Phạm Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại hội trường Tòa án huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2019/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị M, sinh năm 1995. Vắng mặt

(Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 17/7/2019)

Địa chỉ: Xóm V, xã DV, huyện DC, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Lê Mạnh B, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã DV, huyện DC, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2019, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phan Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị M và anh Lê Mạnh B kết hôn với nhau vào ngày 28/8/2013 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã DV, huyện DC, tỉnh Nghệ An. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong thời gian vợ chồng đi làm công nhân trong miền

Nam chị M có tình cảm với người đàn ông khác. Sau đó vợ chồng có bàn bạc với nhau quay lại chung sống và về quê tại xã DV để lao động. Tuy nhiên, sau khi về quê thì tình cảm vợ chồng không còn như trước. Vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau do những nguyên nhân trước đó. Cuộc sống chung vợ chồng lâm vào bế tắc không thể tiếp tục chung sống với nhau. Chị Phan Thị M đưa con chung về tại nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau. Chị Phan Thị M xin ly hôn anh Lê Mạnh B.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Văn Quốc N, sinh ngày 25/9/2018. Hiện nay con chung đang ở với chị M. Ly hôn chị M xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Bằng cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung vợ chồng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Mạnh B, anh Bằng có mặt tại địa phương, nhận các văn bản tố tụng nhưng không ký nhận, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Lê Mạnh B có nơi cư trú tại xóm Đ, xã DV, huyện DC, tỉnh Nghệ An, căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An. Nguyên đơn chị Phan Thị M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào khoản 4 Điều 207 của BLTTDS đây là vụ án không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn chị Phan Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Mạnh B đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ 2 hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phan Thị M và bị đơn anh Lê Mạnh B.

[2]. Về hôn nhân: Chị Phan Thị M và anh Lê Mạnh B kết hôn với nhau vào ngày 28/8/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã DV, huyện DC, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị Phan Thị M không chung thủy, ban đầu chị M và anh B đã xóa bỏ mâu thuẫn quay về chung sống với nhau nhưng tình cảm vợ chồng không còn như trước, cuộc sống vợ chồng lâm vào bế tắc, không còn tin tưởng, thường xuyên nghi kỵ lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Phan Thị M không chung thủy đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Vợ chồng xóa bỏ mâu thuẫn nhưng đã không vượt qua được, để tiếp tục chung sống với nhau. Cuộc sống chung vợ chồng lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho chị Phan Thị M được ly hôn anh Lê Mạnh B.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Văn Quốc N, sinh ngày 25/9/2018. Cháu Lê Văn Quốc N hiện nay mới một tuổi, cần nhiều hơn sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ. Chị M từ trước đến nay nuôi dưỡng con chung và đảm bảo các điều kiện nuôi con chung. Xét để đảm bảo cho sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị M. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B vì chị M chưa yêu cầu. Anh Lê Mạnh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị Phan Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Phan Thị M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 28,35,39, 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị M được ly hôn anh Lê Mạnh B.

2. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Văn Quốc N, sinh ngày 25/9/2018. Giao con chung là Lê Văn Quốc N cho chị Phan Thị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Mạnh B vì chị Phan Thị M chưa yêu cầu.

Anh Lê Mạnh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp tại chị cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai số AA/2018/0004665 ngày 04/6/2019

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- THADS;
- Lưu VP, HS;
- UBND xã DV;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thế Kỷ